TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B, TỈNH T** Số: **318**/2019/QĐST-HNGĐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

B, ngày 12 tháng 9 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 461/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2019, giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị **Lê Thị Kiều D**, sinh năm 1981.

Địa chỉ: ấp L, xã H2, huyện B, tỉnh T.

- **Bị đơn:** Anh **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1978.

Địa chỉ: ấp L, xã H2, huyện B, tỉnh T.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 9 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 9 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Kiều D và anh Nguyễn Văn H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về nuôi con chung: Chị Lê Thị Kiều D và anh Nguyễn Văn H có 02 con chung tên Nguyễn Trọng P, sinh ngày 09/01/2005, Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 06/5/2015. Chị Lê Thị Kiều D đồng ý anh Nguyễn Văn H được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Trọng P, sinh ngày 09/01/2005, Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 06/5/2015 và sự thỏa thuận này phù hợp với nguyện vọng cháu P.

Ghi nhận sự tự nguyện anh Nguyễn Văn H không yêu cầu chị Lê Thị Kiều D cấp dưỡng nuôi con.

Chị Lê Thị Kiều D không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Thời gian con chung Nguyễn Trọng P, Nguyễn Thị Kim N chưa tròn 18 tuổi, chị Diễm được quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con, anh Hải được quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Hai bên khai không có, nên không xét đến.

- Về nợ chung: Hai bên khai không có, nên không xét đến.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị Kiều D tự nguyện chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0005887 ngày 15 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh T. Như vậy, chị Lê Thị Kiều D được hoàn lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh T (Phòng KTNV&THA);
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã H (Số 75 ngày 29/10/2003);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Trần Văn Tuấn